

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 24-3-2023  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đặng Thị Thu Hiền;

Ông Trần Ngọc Hải;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị BTT, sinh năm 1993; ĐKKHKT: Số A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 26/40 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Bị đơn:** Anh TVP, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn chị BTT có đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh TVP được ly hôn và trình bày:

Chị và anh TVP tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức cưới hỏi từ năm 2017. Sau đó chị và anh TVP có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 4 năm 2018.

Quá trình chung sống thời gian đầu chị và anh chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Đến năm 2021 anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Từ đầu năm 2022 cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, thường xuyên xô xát, cãi vã, anh chị hiện đang sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Bản thân chị cũng không còn tình cảm với anh TVP và không có cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ. Do vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh TVP.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là: G, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2018; H, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2020. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh TVP tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Chị BTT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là anh TVP đã biết việc chị BTT xin ly hôn anh. Tuy nhiên anh TVP không đến Tòa án theo các giấy triệu tập. Bởi vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh TVP được.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn giữa chị BTT và anh TVP là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Đỉnh điểm mâu thuẫn anh chị có xảy ra xô xát, cãi vã và chị BTT đã chuyển ra ngoài sinh sống, không ở cùng nhà với anh TVP nữa. Hiện nay anh chị ấy đang sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, không ai còn quan tâm đến ai. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tài liệu xác minh tại gia đình chị BTT thể hiện: Trong cuộc sống chung của vợ chồng anh TVP, chị BTT có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do lối sống, tính cách không hợp nhau. Từ khoảng năm 2022, mâu thuẫn trở nên căng thẳng hơn, chị BTT bỏ ra ngoài sinh sống, hiện chị BTT và anh TVP đang sống ly thân, gia đình cũng nhiều lần khuyên giải để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Gia đình chị BTT đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa chị BTT có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngợi án; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị BTT được ly hôn anh TVP. Về con chung: Giao hai con chung là G, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2018; H, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2020 cho chị BTT nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Do các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về các vấn đề khác: Chị BTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại: Số A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị BTT và anh TVP kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình nguyên đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi chị BTT, anh TVP cư trú thấy quá trình chung sống giữa hai anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Khoảng từ đầu năm 2022 đến nay anh chị sống ly thân, chị BTT bỏ ra ngoài thuê nhà ở, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị BTT và anh TVP là có thật. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ và tại phiên tòa chị BTT đều khai thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, lối sống, chị BTT không còn tình cảm gì với anh TVP nữa, nếu tiếp tục chung sống chỉ gây đau khổ cho cả hai. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị BTT là cần thiết, bảo đảm quyền ly hôn của nguyên đơn, giúp cho anh chị sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự.

[5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: G, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2018; H, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2020. Ly hôn chị BTT đề nghị được nuôi cả hai con cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chị BTT tự thỏa thuận với anh TVP và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, hai cháu đều còn rất nhỏ, cháu Tâm Đan là con gái, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn, còn cháu Phúc Bảo mới được hơn 03 tuổi nên cũng cần được ở cùng mẹ, hai cháu đang học chung một trường mầm non, hàng ngày do chị BTT đưa đón con đi học, chỗ ở của chị BTT hiện tại cũng gần trường học tiện đưa đón các con. Mặt khác anh TVP có hành vi phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự, đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng ra Quyết định khởi tố bị can số 27 ngày 09 tháng 01 năm 2023 nên anh TVP không đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy việc giao hai con chung là G và H cho chị BTT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của nguyên đơn. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai con G, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2018; H, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2020 cho chị BTT trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị BTT và anh TVP tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị BTT không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Bị đơn anh TVP mặc dù đã được Tòa án yêu cầu trình bày về việc giải quyết tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt nên không có ý kiến. Như vậy các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi

ly hôn, nếu không tự giải quyết được về tài sản chung, các bên có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác sau.

[7] Về các vấn đề khác: Chị BTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị BTT phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị BTT được ly hôn anh TVP.

2. Về con chung: Giao hai con chung là: G, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2018 và H, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2020 cho chị BTT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị BTT và anh TVP tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Do các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu không tự giải quyết được về tài sản chung, các bên có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác sau.

4. Về các vấn đề khác: Chị BTT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

5. Về án phí: Chị BTT phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009701, ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị BTT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, C;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Phương**